

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Hòa Bình đến năm 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ về việc phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 116/2006/TT-BNN ngày 18/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 113/2006/TT-BTC ngày 28/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn theo Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ về việc phát triển ngành nghề nông thôn;

Thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 13/6/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Hòa Bình đến năm 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 87/TTr-SNN ngày 27/02/2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Hòa Bình đến năm 2020.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. Những nội dung không đề cập tại Quyết định này được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ NN&PTNT;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Chánh, Phó VPUBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học-Công báo;
- Lưu: VT, TCTM, THKH, NNTN (BD100).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Quang**

**QUY ĐỊNH**

**Một số chính sách hỗ trợ phát triển nghề truyền thống, làng nghề,  
làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Hòa Bình đến năm 2020**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số **42** /2015/QĐ-UBND  
ngày **27** tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi áp dụng**

Quy định này quy định một số chính sách hỗ trợ, đầu tư phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Hoà Bình thuộc quy hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố phê duyệt.

**2. Đối tượng áp dụng**

Tổ chức, cá nhân trong nước trực tiếp tham gia phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Hoà Bình được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận.

**Điều 2. Nguyên tắc và phương thức hỗ trợ**

**1. Nguyên tắc hỗ trợ**

Hỗ trợ đúng đối tượng, kịp thời; thực hiện công khai, dân chủ; không hỗ trợ trùng lặp với nguồn vốn khác.

Trong trường hợp cùng thời gian, một số nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

**2. Phương thức hỗ trợ**

Hỗ trợ sau đầu tư bằng tiền với các đối tượng thuộc phạm vi quy định tại Điều 1 Quy định này sau khi được nghiệm thu.

**Chương II**

**NỘI DUNG CHÍNH SÁCH**

**Điều 3. Chính sách hỗ trợ**

**1. Hỗ trợ 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) để duy trì, bảo tồn và phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.**



2. Hỗ trợ 50% giá trị máy móc thiết bị, công nghệ tiên tiến được chuyển giao nhưng không quá 300.000.000 đồng.

#### **Điều 4: Chính sách đầu tư**

Ngân sách Nhà nước đầu tư kinh phí cho các hoạt động:

1. Đào tạo nghề cho lao động tham gia sản xuất tại các cơ sở thuộc đối tượng quy định tại Điều 1 Quy định này.

2. Xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, chỉ dẫn địa lý, bảo hộ sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm thuộc phạm vi quy định tại Điều 1 Quy định này.

3. Xúc tiến thương mại theo quy định hiện hành.

#### **Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện**

- Nguồn vốn sự nghiệp kinh tế ngân sách tỉnh thực hiện nội dung quy định tại các Điều 3; Khoản 3, Điều 4 Quy định này; Nguồn vốn sự nghiệp khoa học và công nghệ ngân sách tỉnh thực hiện nội dung quy định tại các Khoản 2, Điều 4 Quy định này.

- Nguồn vốn sự nghiệp kinh tế ngân sách huyện thực hiện nội dung quy định tại Khoản 1, Điều 4 Quy định này.

### **Chương III**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức thực hiện chính sách;

- Tổng hợp kế hoạch của các huyện, thành phố và sở, ngành có liên quan thống nhất với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định vào dự toán ngân sách năm sau trước ngày 15/8 hàng năm (Kế hoạch năm 2015 trước ngày 15/5/2015);

- Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện chính sách hàng năm; tiếp nhận ý kiến đóng góp và đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chính sách cho phù hợp. Theo dõi kết quả thực hiện, tổ chức sơ kết, tổng kết, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện chính sách với Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Phối hợp với các Sở, Ngành liên quan hướng dẫn thực hiện chính sách theo chức năng nhiệm vụ được giao.

#### **Điều 7. Sở Tài chính**

Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Cân đối, bố trí nguồn vốn; Thẩm định dự toán kinh phí hàng năm, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

- Hướng dẫn thủ tục cấp phát, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện chính sách hàng năm. Tổng hợp quyết toán kinh phí thực hiện chính sách theo quy định hiện hành.

#### **Điều 8. Sở, ngành liên quan**

- Sở Khoa học và Công nghệ lập kế hoạch và dự toán thực hiện Khoản 2, Điều 4 Quy định này gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp;

- Sở Công thương lập kế hoạch và dự toán thực hiện Khoản 3, Điều 4 Quy định này gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp;

- Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính bố trí kinh phí thực hiện chính sách; tổng hợp vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh hàng năm;

- Ngân hàng Nhà nước chỉ đạo các ngân hàng thương mại, Ngân hàng Chính sách xã hội và các tổ chức tín dụng tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân được vay vốn ưu đãi đầu tư thực hiện Quy định này.

#### **Điều 9. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố**

- Bố trí ngân sách địa phương thực hiện Khoản 1, Điều 4 Quy định này; chỉ đạo sản xuất, giám sát, quản lý chất lượng sản phẩm;

- Chỉ đạo các phòng chuyên môn và Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai để các tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 1 làm đơn đăng ký tham gia;

- Tổng hợp đăng ký thực hiện Điều 3 Quy định này của cấp xã; lập kế hoạch và dự toán kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương thực hiện Khoản 1, Điều 4 Quy định này, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp;

- Tổ chức thực hiện, nghiệm thu, giải ngân, quyết toán vốn hỗ trợ sau đầu tư theo quy định hiện hành và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, báo cáo việc thực hiện Quy định này.

#### **Điều 10. Ủy ban nhân dân cấp xã**

- Tổ chức chỉ đạo thực hiện chính sách trên địa bàn; triển khai đăng ký, xây dựng kế hoạch của xã; tổng hợp, đăng ký với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;

- Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát và nghiệm thu kết quả thực hiện trên địa bàn;

- Lồng ghép các nguồn vốn có trên địa bàn phát triển hạ tầng kỹ thuật;

- Tuyên truyền, phổ biến, vận động tổ chức, cá nhân tích cực tham gia, thực hiện Quy định này.

#### **Điều 11. Các tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 1**

- Đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Cam kết thực hiện đảm bảo vệ sinh môi trường;



- Tuân thủ chặt chẽ quy trình, quy phạm kỹ thuật theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; thủ tục đăng ký đầu tư, hỗ trợ, thanh quyết toán theo hướng dẫn của Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân huyện và các sở, ngành liên quan.

**Điều 12.** Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm tổ chức chỉ đạo thực hiện chính sách này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cần phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để tổng hợp điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Quang**